

SƠ LƯỢC VỀ NGHIÊN CỨU ĐẠO GIÁO Ở VIỆT NAM

(Tiếp theo kì trước)

TRẦN ANH ĐÀO^(*)

3. Nghiên cứu Đạo quán và Đạo phái

Nơi thờ tự chính của Đạo giáo là Đạo quán. Sự tồn tại của các Đạo quán trong lịch sử và hiện tại đã chứng tỏ sự phát triển của Đạo giáo ở Việt Nam. *Toàn thư* có ghi chép về quán *Thông Thánh* và nhiều Đạo quán nổi tiếng khác mà ngày nay không còn dấu tích. Do biến động của lịch sử và đời sống tôn giáo, nhiều quán đã trở thành những cơ sở thờ tự của tôn giáo khác, không còn mang tên quán Đạo giáo, cũng không còn Đạo sĩ tụng kinh và trông coi đèn hương.

Thời kì Pháp thuộc, trong chương trình khảo cứu các di tích lịch sử, Viện Viễn Đông Bác Cổ đã chú ý nghiên cứu một số Đạo quán ở Hà Nội. Năm 1948, Trần Hàm Tấn, một cán bộ của viện này đã có những khảo sát quan trọng về đền Ngọc Sơn và quán Trấn Vũ. Trong bài *Lịch sử chùa Trấn Quốc và quán Trấn Vũ*, ông dẫn theo *Từ nguyên* để giới định thuật ngữ “Quán” như sau: “Quán là nhà lầu của Đạo sĩ, như ông Doãn Hồ bên Trung Hoa về đời nhà Chu trước Thiên Chúa, cất lấy cỏ lợp một cái nhà ở cho yên tĩnh để ngẫm nghĩ Đạo, bởi đối tượng này có ý nghĩa thanh cao và nó làm cho hâm mộ và

kính trọng, cho nên quán chỉ dành cho Đạo sĩ hay là các tiên ở mà thôi”. Ông cung cấp nhiều sử liệu quan trọng về sự hình thành, biến động, tượng thờ và ý nghĩa quan trọng của quán này đối với Hà Nội. Theo ông, đền Trấn Vũ được công nhận như một *Đạo quán*, một *trấn* trong kinh kì và liên quan đến thuật phong thủy của Cao Biền, quan đô hộ nước ta đời nhà Đường. “Về cuối thế kỉ XVII thì chúa Nguyễn và Tây Sơn đang chiến tranh mà quán này vẫn trở nên một cái đền đồ sộ, ai qua cũng phải ngấm nghĩa... Theo Nghị định 16/5/1925, quán này được xếp vào số một trong hàng cổ tích bảo tồn ở xứ Đông Pháp (Việt Nam)”⁽¹⁾.

Khảo cứu về các di tích ở Việt Nam vào những năm 1970 của Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề cho thấy cơ sở thờ tự Đạo giáo còn đa dạng hơn nhiều: “Về phương diện tín ngưỡng cũng như về nhiều phương diện khác, dân tộc ta không những chỉ biết du nhập mà còn biết thâm hóa và dung hợp. Chúng ta đã tổng hợp Lão giáo với đa thần giáo cổ hữu thành ra đạo phù thủy mà nơi thờ tự là các *tĩnh*, rồi chúng ta chúng ta lại

*. ThS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Trần Hàm Tấn. "Document historiques sur la pagode de Tran Quoc et quan de Tran Vu". *Le People Vietnamien*, No1, Mai 1948, pp. 39-44.

tập hợp một cách rộng rãi hơn Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo với đa thần giáo cổ hữu mà thành ra đạo Tam thánh mà nơi thờ tự là đàn Tam thánh⁽²⁾. Mô hình đàn Tam Thánh liên quan nhiều đến các Thiện đàn được lập ra nhiều nơi với hoạt động cầu tiên rầm rộ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. Sự chuyển đổi chức năng và vai trò của các Đạo quán là liên tục và âm thầm, chủ yếu sang mô hình Phật - Thánh - Mẫu, cũng tạo nên những khó khăn không nhỏ trong việc truy tìm nguyên gốc các Đạo quán.

Như đã nói, mấy năm trở lại đây, có một số nhà nghiên cứu về Đạo quán bằng việc khai thác tư liệu chính sử như Onishi Kazuhiko với bài *Bàn về tên một số đạo quán ở triều nhà Lý* tại Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất năm 1998 và bài *Đạo quán và Đạo sĩ An Nam đời Đường* (bản tiếng Nhật) đăng trên *Giảng tọa Đạo giáo*, Quyển 6, do Nhà xuất bản Tokyo ấn tống. Nguyễn Duy Hình trong *Người Việt Nam với Đạo giáo* cũng bàn về nội dung này, tư liệu chủ yếu cũng dẫn từ *Toàn thư, An Nam Chí Nguyên, Đại Nam Nhất Thống chí*, v.v... Đối ngũ những nhà khảo cổ học, sử học, Hán Nôm học cũng góp phần phát hiện ra các Đạo quán hoặc các tư liệu, hiện vật liên quan đến Đạo giáo bằng những bài viết thú vị, như: Nguyễn Thị Oanh với *Về việc xác định niên đại pho tượng đồng đền Trần Võ Gia Lâm - Hà Nội* (1988, 1990); Nhã Long với *Chùa Sở một kiến trúc Đạo giáo thời Mạc* (1996); Nguyễn Thế Hùng, Đinh Khắc Thuân với *Vài nét về quán Đạo ở Việt Nam trong lịch sử* (2001), v.v... Các kết quả nghiên cứu cho thấy, các Đạo quán còn rải rác nhiều nơi trên đất nước ta, từ Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Thanh Hóa,

Nghệ An, Thừa Thiên - Huế đến vùng Nam Trung Bộ và Nam Bộ, nơi có nhiều người Hoa sinh sống và nền văn hóa Hoa tương đối nổi trội. Năm 2001, Nguyễn Đăng Duy giới thiệu về quán Lâm Dương, quán Linh Tiên và một số tượng thờ của Đạo giáo như Tam Thanh, Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu, Quan Võ, Văn Xương Đế Quân. Ông còn phiên âm dịch nghĩa một số hoành phi câu đối và cung cấp nhiều thông tin mới mẻ về hai quán này. Đáng chú nhất là Luận án tiến sĩ lịch sử của Nguyễn Thế Hùng thực hiện vào năm 2003, đã khảo sát một cách công phu nhất từ trước đến nay về các quán Đạo giáo ở Hà Tây, nơi được coi là có hoạt động Đạo giáo sôi nổi nhất suốt hàng nghìn năm kể từ khi tôn giáo này bắt đầu thâm nhập vào Việt Nam. Luận án có giá trị tham khảo rất cao, nhất là thông tin về các Đạo quán: *Linh Tiên, Lâm Dương, Hội Linh, Hưng Thánh, Viên Dương, Lão Quân, Văn Quán, Yên Nhân*.

Nguồn tư liệu hữu ích để nghiên cứu các Đạo quán, nhất là khi nó không còn tồn tại với chức năng quán Đạo hoặc

2. Theo khảo cứu của các tác giả các quán gồm: quán Khai Nguyên ở bên hồ Tây (áp Quán La, Hà Nội), thờ Lão Tử, xây dựng vào đời Đường Huyền Tông, quán Liêu Trung (làng Liêu Trung, Yên Mỹ, Hưng Yên), quán Xá (làng La Chàng, Ân Thi, Hưng Yên), quán Long Khánh ở làng Đồng Nhân, quán Trần Võ ở Hồ Tây (Hà Nội), quán Càn Khôn ở núi Vệ Linh (làng Thường Lạc, Đa Phúc, Phúc Yên), quán Thông Thánh (làng Bạch Hạc, Vĩnh Yên), quán Giá (làng Yên Sở, Đan Phượng, Hà Đông). *Tĩnh* là nơi thờ tự của Trần Lộc, người lập ra Nội Đạo tràng ở Thanh Hóa thời Lê Thần Tông. *Đàn Tam thánh* có từ thời Minh Mệnh, Tự Đức ở bên hồ Tây, Hà Nội, thờ Ngọc Hoàng, Phật Thích Ca, Lão Quân, Khổng Tử, Quan Văn Trường, Trần Hưng Đạo. Trước chùa Ngọc Sơn, đạo đường quán Trần Võ đều có đàn Tam thánh, mấy năm sau, dân kinh đô Huế, và nhiều nơi khác đều dựng đàn Tam thánh cạnh đình làng hay văn chỉ để luyện cơ cầu bút, hỏi sự cát hung. Đàn có đạo trường tụng kinh và trông coi đèn hương.

không còn dấu tích gì nữa đó là các thác bản văn bia mà các nhà Khảo cổ học và Hán Nôm học phát hiện, sưu tầm. Đi tiên phong trong lĩnh vực nghiên cứu này là Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm đã dịch và công bố *Bài minh trên chuông Thông Thánh quán* đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* năm 1966. Tư liệu này giúp khảo sát sâu hơn về quán Thông Thánh ở Bạch Hạc và hoạt động mang tính phù thủy, trai tiêu, khoa nghi của Đạo sĩ người Trung Quốc Hứa Tông Đạo ở Việt Nam đời Trần⁽³⁾. Trong công trình *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, Nguyễn Quang Hồng đã thống kê hơn 10 thác bản văn bia của Đạo quán của một số vùng, nổi tiếng nhất là quán Linh Tiên và quán Viên Dương đều ở Hà Tây. Onishi Kazuhiko khi nghiên cứu về Đạo giáo ở nước ta tỏ ra rất “ngưỡng mộ” người Việt Nam, bởi theo ông, Nhật Bản và Hàn Quốc tuy chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa Đạo giáo nhưng cho đến thế kỷ XVI, những Đạo quán ở Triều Tiên đã bị mất hết. Còn ở Nhật Bản, cho đến nay, người ta vẫn chưa tìm thấy các di tích hoặc tư liệu Đạo giáo cụ thể nào. Ở Việt Nam, ngay từ thời Bắc thuộc đã có Đạo quán như quán Khai Nguyên, quán Thông Thánh, đến nay vẫn còn Đạo quán tồn tại như quán Trấn Vũ, v.v... Đây chính là bằng chứng cho thấy Đạo giáo ở Việt Nam có tổ chức như một giáo đoàn⁽⁴⁾.

Một hướng khác, việc nghiên cứu giáo phái Đạo giáo ở Việt Nam còn là vấn đề bỏ ngỏ. Trần Trọng Kim chia Đạo giáo ra làm ba phái: Huyền Lí phái, Thần Tiên phái và Chiêm Nghiệm phái⁽⁵⁾. Nhất Thanh cũng có quan điểm tương tự⁽⁶⁾. Nguyễn Thế Hùng suy diễn: “Huyền Lí chính là Đạo giáo nguyên thủy, ít ảnh hưởng bởi các tôn giáo tín ngưỡng khác. Trải qua thời kỳ từ Xuân

Thu với các đại biểu như Trang Tử, Liệt Tử, thời Hán là Hoài Nam Tử, thời Tấn là nhóm Trúc Lâm thất hiền, tới thời Tống là Trần Đoàn... đều được coi là những nhân vật có tư tưởng yếm thế khoái lạc của Đạo giáo; Thần Tiên phái thì chịu ảnh hưởng của Vu sử hay Vu gia, Phật giáo và Âm Dương gia, chia làm hai nhánh: Kim Đan và Phù Lục; Chiêm Nghiệm phái thì liên quan đến sấm kí, bốc phê, tướng số, phong thủy”⁽⁷⁾. Nhưng suy diễn như thế e rằng còn chưa đủ. Đạo giáo mà Trần Trọng Kim bàn tới bao gồm cả tư tưởng Đạo gia, cho nên phần lớn bài viết của ông bàn về các tác phẩm và nhân vật Đạo gia. Việc chia Đạo giáo làm ba phái của ông khác với việc phân chia giáo phái của Đạo giáo có tổ chức tôn giáo như từ thời Ngũ Đẩu Mễ đạo (Thiên Sư đạo) trở đi⁽⁸⁾. Ông cho rằng: “Thần Tiên phái là nhân lấy những điều hoang đường trong Đạo giáo, rồi liên hợp với những sự mê tín huyền hoặc của dân gian mà gây ra những phương pháp tu dưỡng, luyện đan, phù lục, v.v... về sau ngày càng thịnh, thành ra một tôn giáo có thế lực trong các xã hội ở Viễn Đông. Chiêm Nghiệm phái thì đã xa Đạo giáo, vì là bởi những thuyết âm dương ngũ hành sinh khắc chế hoàn thành ra, nhưng cũng bởi phải đạo sĩ tổ chức thêm và truyền bá ra thiên hạ. Phái này gồm những môn sấm kí, bốc phê, tướng số và phong thủy”⁽⁹⁾.

3. Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm. “Bài minh trên chuông Thông Thánh quán”. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 88, năm 1966, tr. 25-32.

4. Onishi Kazuhiko. Bài đã dẫn, tr.327-332.

5. Trần Trọng Kim. Bài đã dẫn, tr.113.

6. Nhất Thanh. Bài đã dẫn, tr.128-323.

7. Nguyễn Thế Hùng. *Quán Đạo giáo ở Hà Tây*. Luận án Tiến sĩ khoa học Lịch sử, Viện Khảo cổ học, tr.23.

8. Xem thêm: *Giáo phái Đạo giáo*, www.taoist.org.cn

9. Trần Trọng Kim. Bài đã dẫn, tr.113.

Thực tế cho thấy, việc nghiên cứu Đạo quán bổ trợ rất nhiều trong việc tìm hiểu ảnh hưởng của các giáo phái Đạo giáo đối với Việt Nam. Ví dụ như quán Trấn Vũ, với một vị thế đặc thù không mấy biến động, vẫn được coi như một Đạo quán tiêu biểu ở Miền Bắc và tiếp tục được nghiên cứu từ nhiều góc độ hơn nữa. Hoàng Giáp khi viết về quán Trấn Vũ với bài *Một Đạo quán nổi tiếng ở Hà Nội*, ngoài việc giới thiệu lịch sử, kiến trúc của quán, nghi lễ trai tiểu, Đạo sĩ tu trì, qua các tư liệu Hán Nôm hữu quan, còn cho rằng quán này thể hiện rõ ảnh hưởng của tín ngưỡng Huyền Vũ - Chân Vũ của Đạo phái Vũ Đang và Toàn Chân của Đạo giáo Trung Quốc⁽¹⁰⁾. Nghiên cứu của ông có ý nghĩa gợi mở trong việc nghiên cứu hoạt động của các giáo phái Đạo giáo ở Việt Nam. Học giả Trung Quốc Mai Lợi (梅莉) cũng từng khảo sát về tín ngưỡng Huyền Thiên - Chân Vũ ở Việt Nam, đã đưa ra những nhận định sơ lược con đường du nhập của tín ngưỡng này vào nước ta mà theo tác giả là từ hướng Quảng Tây, bởi vì “suốt dọc dải đường bộ từ Quảng Tây vào sâu đất Việt Nam, có nhiều quán hoặc đền miếu thờ Chân Vũ”, và “nó được truyền vào nhiều nhất là thời nhà Minh Trung Quốc”⁽¹¹⁾. Chúng ta biết rằng, vào thời nhà Minh, tín ngưỡng Chân Vũ thịnh hành và là hạt nhân tín ngưỡng của Đạo phái Vũ Đang, không loại trừ khả năng nó đã theo chân quân Minh sang xâm chiếm Việt Nam thời bấy giờ. Rõ ràng phái này có ảnh hưởng tương đối mạnh ở Việt Nam, bằng chứng là ngoài Chân Vũ quán và Huyền Thiên quán, ở Hà Nội còn có Vũ Đang quán (quán Sái) ở Đông Anh và đền Trấn Vũ ở Gia Lâm đều thờ Huyền Thiên - Chân Vũ. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu chỉ mới chú

ý vào ý nghĩa “trấn thủ Phương Bắc”, cụ thể là chống sự xâm lược của Phương Bắc, mà chưa đi sâu nghiên cứu từ góc độ tín ngưỡng của hiện tượng này.

Nhiều học giả khác cho rằng, Đạo giáo Việt Nam chủ yếu là chịu ảnh hưởng của phái Phù Lục chuyên về bùa chú phép thuật và một ít của phái Đan Đỉnh. Biểu hiện của Đạo phái Trung Hoa ở Việt Nam hết sức mơ hồ. Có nhiều bằng chứng cho thấy, Thiên Sư đạo từng ảnh hưởng đến Việt Nam, nhưng chưa có học giả nào nghiên cứu sâu hơn về diễn biến của nó ở đây. Tại Hội thảo Khoa học Việt Nam - Trung Quốc về chủ đề *Tôn giáo trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế xã hội* (năm 2005), trong tham luận *Vai trò Đạo sĩ của nhà sư trong tập văn khấn nghi lễ Phật giáo Việt Nam thế kỉ XVIII*, Onishi Kazuhiko đã phân tích một bài văn khấn nghi lễ Phật giáo có tên *Thích điển kì an diên sinh công văn*, trong đó người soạn tự xưng là “Tam Giới Thái Thượng Chính Nhất pháp sư”. Đây có thể là một trong những danh hiệu cho Đạo sĩ theo phái Chính Nhất và “Tam Thiên Phù Giáo phụ nguyên Đại pháp Thiên sư” chính là danh hiệu của Trương (Đạo) Lăng (?-177), người sáng lập giáo phái Chính Nhất của Đạo giáo Trung Quốc. Phái Chính Nhất được hình thành từ đời Đường, là sự kết hợp giữa Thiên Sư đạo, phái Linh Bảo và phái Thượng Thanh, vẫn tôn Trương Đạo Lăng là ông tổ. Phái này chuyên hoạt động phù lục, trai tiểu, cầu phúc nương tai. Đây là Đạo phái lâu đời và

10. Hoàng Giáp. “Một Đạo quán nổi tiếng ở Hà Nội”. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2, năm 2002, tr.53-61.

11. Mai Lợi. “Tín ngưỡng Huyền Thiên Thượng Đế ở Đài Loan và Đông Nam Á” (台湾及东南亚地区的玄天上帝信仰). Tạp chí *Đạo giáo Trung Quốc*, số 3, năm 2006, tr. 37-39.

truyền bá rộng rãi nhất trong lịch sử Đạo giáo Trung Quốc.

Dẫu biết rằng nghiên cứu giáo phái Đạo giáo là khó khăn nhưng lại một công việc rất cần thiết. Khó khăn là bởi tính đa nguyên đặc thù của Đạo giáo, sẽ khó có hiệu quả tốt khi chỉ căn cứ vào giáo lí, Đạo quán, mà cần kết hợp cả nghiên cứu nghi thức và thực tiễn của tôn giáo này. Anna Seidel từng nhận định: “Đẳng cấp của các pháp sư (Đạo sĩ) không phải quyết định bởi tri thức giáo lí của ông ta, mà là bởi cấp độ các nghi thức của giáo phái mà ông ta được truyền thụ”⁽¹²⁾. Điều đáng chú ý là các nghi thức của Đạo giáo phần nhiều mang tính “bí truyền”, “sách lược” ghi chép và lưu truyền trong nội bộ giáo phái và phần lớn được viết bằng chữ Hán - Nôm. Điều này khẳng định việc nghiên cứu kinh sách Đạo giáo là rất quan trọng và cần thiết như dưới đây chúng tôi sẽ đề cập đến.

4. Nghiên cứu kinh sách Đạo giáo

Đạo kinh, *Đạo thư* là nơi truyền tải giáo lí Đạo giáo, được tập hợp thành bộ *Đạo tạng*. Các nhà nghiên cứu Đạo giáo người Trung Quốc cũng như người Phương Tây thường bắt đầu từ việc đọc *Đạo tạng*. “Muốn khảo cứu về Lão giáo, cần phải được chuẩn bị kĩ càng, nhất là cần phải đọc thực nhiều kinh sách trong bộ *Đạo tạng*, mà toàn thể thư tịch Đạo giáo được tập hợp trong *Đạo tạng* có 1.464 bộ, mỗi bộ từ 1 quyển đến 300, 400 quyển”⁽¹³⁾. Muốn nghiên cứu Đạo giáo, không thể không đọc *Đạo tạng*, dù ít dù nhiều. Những người đi tiên phong trong việc nghiên cứu Đạo kinh Trung Quốc lại là người Nhật Bản và người Phương Tây. ở Việt Nam chưa tìm ra tài liệu nào ghi chép việc du nhập *Đạo tạng*, ngoài sự kiện hết sức mập mờ trong *Toàn thư*. Cũng bởi vậy nên chưa

có một học giả Việt Nam nào nghiên cứu *Đạo tạng* cũng như kinh sách Đạo giáo có ở Việt Nam, ngoại trừ Nguyễn Duy Hinh có bàn đến khái niệm “Đạo tạng” và lịch sử, hiện trạng của nó, nhưng cũng với mục đích biện giải cho nhận định rằng: “Đạo giáo nước ta quan hệ với Đạo giáo Trung Quốc lâu đời từ Phương Tiên đạo đến Đạo giáo Tam Trương đến Đạo giáo sĩ tộc, từng có Đạo sĩ Trung Quốc đến nước ta (Cát Hồng, Trần Đoàn) nên vẫn có Đạo thư và Đạo kinh được nhập vào. Đến đời Tống thì quan hệ đó càng thường xuyên với việc nhập các kinh điển Tam giáo cuối cùng dẫn đến thi Tam giáo, chứng tỏ Đạo tạng nhập vào nước ta trước năm 1195... Nếu không nhập *Đạo tạng* trước thì không thể thi Tam giáo được”⁽¹⁴⁾. Tuy nhiên, phải chú ý rằng, vẫn còn nhiều Đạo kinh nằm ngoài hệ *Đạo tạng* của Đạo giáo Trung Quốc. Khi Vương Khả được tiếp cận với một thư mục kinh sách Đạo giáo được in ấn và lưu hành ở Việt Nam đã phải thừa nhận rằng đó chính là nguồn tư liệu hết sức quý giá để nghiên cứu về lịch sử Đạo giáo Việt Nam mà không thấy có trong *Đạo tạng*⁽¹⁵⁾. Việc phát hiện nhiều ván in ở quán Linh Tiên và đền Ngọc Sơn là bằng chứng cho thấy đây hai “trung tâm” in ấn kinh bốn Đạo giáo tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam. Đặc biệt là bài viết *Về một số ván in đầu thời Lê Sơ (1434-1443) vừa phát hiện được ở Linh Tiên quán* của Nguyễn Tài Cẩn tuy nghiêng về nghiên cứu ngữ âm học, nhưng đã cung cấp cho chúng ta nhiều

12. Anna Seidel. Sdd, tr. 62.

13. Michael Saso. “Thử tìm một phương pháp để khảo sát về Lão giáo” (Bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Văn Thọ). Tạp chí *Phương Đông* (Sài Gòn), số 30, năm 1973, tr. 49- 61.

14. Nguyễn Duy Hinh. *Người Việt Nam với Đạo giáo*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 2003, tr. 545.

15. Vương Khả. Bài đã dẫn. tr.

thông tin quý giá về việc in ấn cuốn kinh quan trọng của Đạo giáo *Cao Thương Ngọc Hoàng bốn hạnh kinh*, đồng thời góp phần nghiên cứu tình hình Đạo giáo Việt Nam khoảng thế kỉ XIV⁽¹⁶⁾.

Việc *Đạo tạng* được nhập vào Việt Nam vào các thời Lý - Trần như Nguyễn Duy Hinh đoán định cũng chưa đủ sức thuyết phục lắm. Sớm hơn nữa (thời Ngô), Hà Văn Tấn cũng từng phân vân khi khảo cứu nội dung bài minh văn trên quả chuông thời Ngô: Đạo nhân đương thời thờ Tam Thanh, có chức sắc Đạo giáo là Cao công để thực hiện chức năng chủ lễ và đọc kinh ở trai đàn. “Thời Đường Huyền Tông, niên hiệu Khai Nguyên (713-741) có việc sưu tập kinh sách Đạo giáo, bước đầu xây dựng *Đạo tạng*. Không rõ vào thời Ngô, ở Việt Nam đã có *Đạo tạng* thời Đường hay chưa”⁽¹⁷⁾. Ông chỉ chắc chắn một điều lúc đó đã có những quyển kinh Đạo giáo, chỉ không biết loại nào thôi.

Trong phần lớn các *Đạo kinh* ở Việt Nam, thường thấy có hai loại, một loại sao chép *Đạo kinh* Trung Quốc. Một loại bình giảng các *Đạo kinh* Trung Quốc hoặc giảng bút, tuy không có trình độ lí luận sâu sắc nhưng phản ánh tư tưởng hội nhập với Nho, Phật⁽¹⁸⁾.

Tuy không có *Đạo tạng* để nghiên cứu, nhưng các *Đạo kinh*, *Đạo thư* của Đạo giáo có rất nhiều ở Việt Nam, nhất là *Lão Tử: Đạo Đức kinh*, *Trang Tử: Nam Hoa kinh*, v.v... được lưu truyền rộng rãi. Chúng ta đều biết đến các bản dịch và chú giải bằng tiếng Việt về các kinh sách đó của Ngô Tất Tố, Thu Giang Nguyễn Duy Cần, và gần đây là cuốn *Đạo Đức kinh để hiểu* của Phan Ngọc. Ngay từ những năm 1933 - 1934, một nhóm đạo hữu đứng đầu là Hạc Thần - Liêm Khê Tử và Chơn Hư Tử, có

những hoạt động Đạo thuật tương đối sôi nổi ở Sài Gòn - Chợ Lớn, đã tổ chức biên soạn bộ sách có tựa đề *Đạo giáo*⁽¹⁹⁾. Có thể thấy, câu chuyện về sinh hoạt Đạo giáo và biên soạn kinh sách Đạo giáo đến đầu thế kỉ XX vẫn diễn ra bởi những Đạo hữu. Việc phổ biến loại kinh sách này bằng hai thứ tiếng Quốc ngữ và tiếng Pháp thể hiện trình độ học vấn của họ và có thể là họ cũng có mục đích “bá Đạo” cho giới trí thức và cả người Phương Tây đương thời!

Điều đáng quan tâm là hệ thống kinh sách về nghi lễ (khoa nghi) chiếm phần đa số trong *Đạo tạng*, chứ không phải là kinh sách về giáo lí. Nên cho dù ảnh hưởng của *Đạo tạng* tới Đạo giáo Việt Nam ở mức độ nào đi chăng nữa, thì cũng cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu nó cũng như các loại kinh thư Đạo giáo được in ấn, lưu hành ở nước ta, kết hợp so sánh thực tiễn nghi lễ của một số loại hình tín ngưỡng, tôn giáo lâu nay vẫn thường được nhận định một cách chung chung là có ảnh hưởng của Đạo giáo, như tín ngưỡng đồng bóng, đạo Cao Đài, tín ngưỡng của đồng bào dân tộc Dao và một vài dân tộc thiểu số khác, v.v...

5. Nghiên cứu tín ngưỡng Thần tiên, Tiên nhân, Đạo sĩ

Tín ngưỡng Thần tiên là hạt nhân của hệ thống tín ngưỡng Đạo giáo, là mục tiêu cao nhất của việc tu luyện Đạo thuật. Mọi nghi lễ, phương thuật, hoạt động của Đạo giáo suy cho cùng là

16. Nguyễn Tài Cẩn. “Về một số ván in đầu thời Lê Sơ (1434-1443) vừa phát hiện được ở Linh Tiên quán”. Tạp chí *Khảo cổ học*, số 11-12/1971, tr. 123-138.

17. Hà Văn Tấn. Bài đã dẫn, tr 60-70.

18. Nguyễn Duy Hinh. Sđd, tr. 780.

19. Chơn Hư Tử và các Đạo hữu. *Đạo giáo I*. Nxb Bảo An Đạo Đức, Chợ Lớn, Sài Gòn 1933; *Đạo giáo II (Kan-ying en annamite et en français)*. Nxb Bảo An Đạo Đức, Chợ Lớn, Sài Gòn 1934.

nhằm giúp người ta đạt đến cảnh giới thần tiên, được trở thành tiên và lên cõi tiên hưởng thụ cuộc sống hạnh phúc.

Quan niệm Thần tiên và tín ngưỡng Thần tiên xuất hiện trong xã hội Trung Quốc trước khi Đạo giáo ra đời. Trần Văn Giàu và Nguyễn Duy Hinh qua nghiên cứu tiên thoại thời Hùng Vương, Chủ Đồng Tử, Đồng Phụng, An Kỳ Sinh, v.v... cũng cho rằng Tiên đạo du nhập vào Việt Nam sớm hơn Đạo giáo. Tiên thoại được chép nhiều trong *Lĩnh Nam Trích quái* của Trần Thế Pháp, *Việt Điện U linh* của Lý Tế Xuyên, *Truyện kỳ Mạn Lục* của Nguyễn Dữ và trong rất nhiều thơ văn từ xưa. Thời Nguyễn có Thanh Hòa Tử viết sách *Hội Chân biên* (bản in năm Thiệu Trị thứ 7 - 1847, lưu trữ ở Viện Viễn Đông Bác Cổ), trong đó chép truyện 13 ông tiên và 14 cô tiên. Năm 1944, Nguyễn Văn Huyền dựa theo đó để viết cuốn *Le culte des immortels en Annam, Bois tires du Hội Chân Biên (Tục thờ tiên thánh ở An Nam)*. Nhìn chung, các tác phẩm của họ đều mang tính chất kê cứu, khai thác các tư liệu và tiên thoại lưu truyền trong dân gian, đặc biệt là cung cấp tường tận đầy đủ cả họ tên gia thế, quê quán, rành mạch cả năm tháng câu chuyện xảy ra. Các vị tiên thường được kê cứu nhiều nhất là Chủ Đồng Tử, Sĩ Vương (Sĩ Nhiếp), An Kỳ Sinh, Huyền Vân Chân Nhân, Trần Tú Uyên, Từ Thúc, Bồi Liên Tiên Nương, Liễu Hạnh, Phạm Viên, Nguyễn Hưng Hàn, v.v... Chúng ta vẫn chưa biết rõ thêm về việc họ làm thế nào để trở thành tiên, cũng như Nhất Thanh từng “phân vân” chẳng hiểu sao mà tên tuổi, lí lịch, quê quán được lưu truyền rành mạch đến thế⁽²⁰⁾.

Các nghiên cứu về tín ngưỡng Thần tiên ở Việt Nam cho thấy, đây là loại tín ngưỡng dành cho mọi tầng lớp trong xã

hội, bất phân sang hèn. Nhiều bậc học giả và vua chúa xưa đã tỏ ra ưa chuộng lí tưởng tiên, đặc biệt, họ thường mơ màng đến tiên, mong ước được thành tiên (vua Lê Thánh Tông còn tự nhận mình là tiên giáng thế), nhưng lại không bỏ công sức tu luyện tích cốc trường sinh như các ông bà tiên Trung Quốc. Bởi vậy, nghiên cứu về phương thức tu tiên của Đạo giáo Việt Nam khó thực hiện. Nhất Thanh lí giải: “Người xưa thường mơ màng tiên chỉ vì lòng ngưỡng mộ, vì ý chí thích thanh cao, những ham muốn được nhẹ tâm hồn trong cuộc đời đua tranh, muốn tránh những phiền lụy”⁽²¹⁾. Chúng ta thường thấy rất nhiều nhà Nho trong lịch sử thích đi cầu tiên, giao du với tiên và làm thơ ca ngợi tiên. Những nét đặc thù đó giúp chúng ta hiểu rõ hơn về những biểu hiện của Đạo giáo thần tiên ở Việt Nam. Đặc biệt đối với trường hợp tiên Liễu Hạnh trong tín ngưỡng thờ Mẫu. Trần Trọng Kim cho rằng bà là thuộc đạo đồng cốt, đạo này phát sinh từ đạo thần tiên⁽²²⁾. Còn Trần Văn Giàu thì cho rằng: “Tín ngưỡng Liễu Hạnh đã nối liền Đạo giáo với *Đạo Tự nhiên*, tức đạo Tam Phủ”⁽²³⁾. Câu chuyện về Mẫu Liễu Hạnh còn cần phải bàn nhiều, dù Ngô Đức Thịnh và các cộng sự đã từng trình bày trong cuốn *Đạo Mẫu ở Việt Nam*⁽²⁴⁾. Như vậy, vấn đề lại quay trở lại với mối quan hệ phức tạp giữa tín ngưỡng Thần tiên với tín ngưỡng Saman ở Việt Nam mà các nhà nghiên cứu Nhân học

20. Nhất Thanh. “Tín ngưỡng - Đạo giáo ở Việt Nam”. Tạp chí *Phương Đông* (Sài Gòn), số 21/1973, tr. 179.

21. Nhất Thanh. “Tín ngưỡng - Đạo giáo ở Việt Nam”. Tạp chí *Phương Đông* (Sài Gòn), số 22/1973, tr. 228.

22. Trần Trọng Kim. *Đạo giáo III*, tr.204.

23. Trần Văn Giàu. Sđd.

24. Ngô Đức Thịnh (chủ biên). *Đạo Mẫu ở Việt Nam*. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội 2001.

(Anthropology) đang rất quan tâm hiện nay.

Chưa có công trình hoặc bài viết nào chuyên nghiên cứu về Đạo sĩ, nhưng các tư liệu lịch sử và kết quả nghiên cứu đều có kể đến họ tuy không nhiều. Chúng ta rất quen với danh tiếng các Đạo sĩ thời Bắc thuộc như Cát Hồng, Trần Đoàn, Cao Biền, v.v... Đến thời kì độc lập tự chủ trở đi, có Trần Trinh, Trí Không, Tuệ Long, Phùng Tá Khang, Hứa Tông Đạo, Huyền Vân, Nguyễn Bồ, phương sĩ Nguyễn Đại Năng, Trần Hưng Đạo biết trừ tà chữa bệnh, v.v... Đó đều là những Đạo sĩ, Đạo nhân được *Toàn thư* nói tới. Ngoài ra, hàng ngũ những người theo Đạo giáo, nhất là thời kì nhà nước Đại Việt Lý - Trần khá đông, điển hình là các quý tộc họ Trần như Trần Hưng Đạo, Trần Nhật Duật⁽²⁵⁾. Nghiên cứu về các hoạt động Đạo thuật của những nhân vật này quan hệ đến việc khảo cứu Đạo phái. Ví dụ, phần lớn các đạo sĩ đều thiên về phương thuật, phù lục, rất có thể họ đều thuộc Phù Lục phái của Đạo phái Chính Nhất. Nguyễn Duy Hình dẫn chứng: “Hứa Tông Đạo (đến từ Phúc Kiến) chuyên về phù lục, thuộc phái Thanh Vi - Chính Nhất thịnh hành ở Phúc Kiến”⁽²⁶⁾. Việc Trần Hưng Đạo được phong Thánh, giỏi bắt ma tà, được thờ phụng rộng rãi cho đến nay, Trần Trọng Kim coi là đại diện cho phái Thanh Đồng, mà phái này vốn từ đạo thần tiên mà ra⁽²⁷⁾. Còn Phan Kế Bính thì xốt xa: “Đức Thánh Trần là một bậc đại anh hùng, lúc sinh tiền, ngài ba lần phá giặc Nguyên, uy danh lẫy lừng khắp trời Nam đất Bắc, lẽ nào khi mất đi lại làm nghề nhơ nhuốc, chui vào nơi lều tranh túp cỏ, chữa thuốc cho bọn đàn bà hậu sản, thủ tề, để kiếm cái thủ lợn mâm xôi hay sao”⁽²⁸⁾. Nói chung, hiện tượng Đức Thánh Trần đã được

nghiên cứu nhiều dưới góc độ *văn hóa dân gian*. Cách đây 7 năm, Nguyễn Công Việt cung cấp một số thông tin quan trọng về một số dấu, phù ấn liên quan tới Trần Hưng Đạo, điện soái Phạm Ngũ Lão được khắc từ cuối thời Hậu Lê, đặc biệt là về một vị “Đạo sĩ” họ Trần lập điện thờ (ở một vùng gần Hà Nội) để nối nghiệp Đạo sĩ của các cụ tổ nhà ông dưới thời Hậu Lê⁽²⁹⁾.

Tuy không nghiên cứu sâu về Đạo sĩ ở Việt Nam nhưng Trần Trọng Kim đã giới định về *Đạo sĩ* như sau: “Những người theo phái thần tiên gọi là Đạo sĩ, khác với những người Đạo học, chỉ chuyên trị về mặt luận lí mà thôi. Thí dụ: Hoài Nam Tử là một người Đạo học, Trương Đạo Lăng là một người Đạo sĩ... Trong xã hội nào lúc mới phôi thai, thì cũng thường hay có những bọn vu sử ấy, rồi sau nhân trí mở mang ra, bọn ấy tự biến hóa đi, hoặc sáp nhập vào với tôn giáo khác. ở Viễn Đông ta bọn ấy là Đạo sĩ”. Ông dành cho họ vài lời phê phán sâu sắc: “Bọn Đạo sĩ nhờ sự ngu dại của người đời mà làm nghề kiếm ăn của mình, làm cho sự mê tín của dân gian thêm lên. Những sự tin tưởng ấy truyền vào nước ta, cũng như nó truyền sang các nước chịu văn hóa của Tàu. Nhưng hiện nay thì ở nước Nam ta không có những đạo sĩ như bên Tàu, chỉ có bọn phù thủy, nửa phần theo lối phù thủy, nửa phần theo lối đạo sĩ, nửa phần giữ thói vu sử đời trước”⁽³⁰⁾.

25. Nguyễn Duy Hình. Sdd, tr. 524.

26. Nguyễn Duy Hình. Sdd, tr. 525.

27. Trần Trọng Kim. Bài đã dẫn, tr. 203.

28. Phan Kế Bính. *Việt Nam phong tục (1915)*. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội 2005, tr. 431.

29. Xem: Nguyễn Công Việt. “Vài nét về phù ấn Đạo giáo Việt Nam từ cuối thế kỉ XVIII qua số ấn gỗ mới phát hiện”. Tạp chí *Hán Nôm*, số 4/1998, tr. 42-47; “Về cữu Thiên Vũ Đế - Hưng Đạo Đại vương qua hình dấu ấn gỗ”. Tạp chí *Hán Nôm*, số 4/1999, tr.13-16.

30. Trần Trọng Kim. Bài đã dẫn, tr. 203.

Onishi Kazuhiko trong bài *Vai trò Đạo sĩ của nhà sư trong tập văn khấn nghi lễ Phật giáo Việt Nam thế kỉ XVIII*, cho rằng nửa sau thế kỉ XVIII, có sự chuyển giao vai trò Đạo sĩ cho các nhà sư, và đó là biểu hiện sự tôn trọng của nhà sư đối với vai trò của Đạo sĩ. Trong xã hội Việt Nam (đặc biệt là giới Đạo giáo Việt Nam) thời cận đại, những nghi lễ Đạo giáo chính thống vẫn được duy trì tuy không phải bởi các Đạo sĩ.

Cho rằng ở Việt Nam từ lâu không còn Đạo sĩ nào cũng không hoàn toàn đúng, vì hiện nay trong một số Đạo quán của người Hoa ở Miền Nam vẫn còn loại chức sắc này. Hoặc là những *thầy Tào* của người Dao, một loại Đạo sĩ của *Đạo giáo Dao truyền*. Hoạt động của họ vẫn bảo lưu rất nhiều dấu ấn của Đạo sĩ phái Chính Nhất của Đạo giáo chính thống Trung Quốc. Thậm chí vẫn còn rất nhiều người tuy không mang danh hiệu Đạo sĩ, nhưng hoạt động mang tính Đạo giáo của họ vẫn diễn ra âm thầm đâu đây ở trong nhiều vùng miền của Việt Nam. Bình Nguyên Lộc trong chuyên đề nghiên cứu hiện tượng các *ông Đạo* vùng Nam Bộ, đã mô tả họ với dáng dấp của những Đạo sĩ, và nói rằng: “Các ông Đạo”, “họ hành động theo đạo Lão phần nào, chứ không phải theo đạo Phật. Cán bộ của đạo Lão tự xưng là Đạo sĩ, họ tự xưng là ông Đạo. Ông Đạo tức là danh từ đạo sĩ được Việt hóa theo văn phạm của ta vậy. Đạo Lão ở bên Tàu có tổ chức hẳn hoi, không phải ai muốn làm Đạo sĩ cũng được mà phải qua một thời gian học tập, thọ giáo và rốt cuộc được tổ chức nhìn nhận mới có đủ thêm quyền hành đạo. Ở xứ ta thì không, khác hẳn với Phật giáo cũng đã có tổ chức hẳn hoi rồi. Trong tình thế đó đạo Lão là một ngôi nhà mở cửa tự do cho bất kì ai muốn vào thì vào, muốn

làm gì thì tự ý làm”⁽³¹⁾. Rõ ràng, đã có mối liên hệ rất thú vị giữa Đạo giáo với hiện tượng các ông Đạo ở Miền Nam, cần phải tiếp tục nghiên cứu làm rõ.

Thay cho lời kết: Triển vọng nghiên cứu Đạo giáo ở Việt Nam

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chưa thể đề cập hết các nghiên cứu về Đạo giáo như mong muốn ban đầu. Năm chủ đề mà chúng tôi nêu ở trên chủ yếu là những vấn đề đã được các nhà nghiên cứu tập trung nói đến nhiều nhất. Còn có những công trình và bài viết về ảnh hưởng của Đạo giáo đối với một số lĩnh vực như: hội họa⁽³²⁾, văn học⁽³³⁾, vấn đề còn quá chuyên biệt. Nhiều hơn nữa là chủ đề *Đạo giáo với văn hóa Việt Nam*⁽³⁴⁾, các nội dung đề cập trong các bài viết đa phần tương tự nhau và nhiều phần chung chung, có dịp chúng tôi sẽ quay lại. Còn rất nhiều công trình nghiên cứu *ảnh hưởng của Đạo giáo trong tín ngưỡng tôn giáo người Dao, tín ngưỡng thờ Mẫu, tín ngưỡng Đông bồng, tín ngưỡng của người Hoa ở Việt Nam*, v.v... trong đó có nhiều nội dung liên quan đến Đạo giáo. Đó chính là mảnh đất màu mỡ để công việc nghiên cứu Đạo Giáo ở Việt Nam tiếp tục khai hoa kết quả./.

31. Bình Nguyên Lộc. *Sáng tạo nơi đất mới*. Tạp chí *Phương Đông (Sài Gòn)*, số 29/1973, tr. 26-29.

32. Phan Ngọc Khuê. *Tranh Đạo giáo ở Bắc Việt Nam*. Nxb Mỹ Thuật, Hà Nội 2001.

33. Trần Nghĩa. *ảnh hưởng của Đạo giáo đối với tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam*. Tạp chí *Hán Nôm*, số 4/1999, tr.3-12.

34. Hoàng Mẫn (黄敏), Lâm Lệ (林丽) (Trung Quốc). *Đạo giáo với văn hóa truyền thống Việt Nam* (道教与越南传统文化). Tạp chí *Đông Nam Á tung hoành (Quảng Tây Trung Quốc)*, số 8/2003, tr 40-42; Nguyễn Đăng Duy. *Đạo giáo với văn hóa Việt Nam*. Nxb Hà Nội, năm 2001.